

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định hoạt động
kinh doanh karaoke trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng; Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ; Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 84/TTr-SVHTTDL ngày 23/9/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động kinh doanh karaoke trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 30/2010/QĐ-UBND ngày 31/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định hoạt động kinh doanh karaoke trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:*

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản;
- Bộ VH-TT-DL;
- TTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- UBMTTQVN tỉnh;
- TT Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Tg, TH
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH**



PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Trần Thanh Liêm

QUY ĐỊNH

Về hoạt động kinh doanh karaoke trên địa bàn tỉnh Bình Dương
(kèm theo Quyết định số: 45 /2015/QĐ-UBND ngày 09 /10/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể về hoạt động kinh doanh karaoke trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động kinh doanh karaoke; đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (gọi chung là tổ chức, cá nhân) hoạt động kinh doanh karaoke trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Những hành vi nghiêm cấm trong hoạt động kinh doanh karaoke

Nghiêm cấm các hành vi khiêu dâm, nhảy múa thoát y, mua bán dâm, mua bán, sử dụng ma túy và các chất gây nghiện, kích thích tại phòng karaoke.



Chương II

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Điều kiện kinh doanh karaoke

1. Phòng karaoke phải có diện tích sử dụng từ 20 m² trở lên, không kể công trình phụ, đảm bảo điều kiện về cách âm, phòng, chống cháy nổ;

2. Cửa phòng karaoke phải là cửa kính không màu, bên ngoài nhìn thấy toàn bộ phòng; nếu có khung thì không quá hai khung dọc và ba khung ngang; diện tích khung không quá 15% diện tích cửa;

3. Không được đặt khóa, chốt cửa bên trong hoặc đặt thiết bị báo động để đối phó với hoạt động kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

4. Địa điểm hoạt động karaoke phải cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử, văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước từ 200m trở lên đo theo đường giao thông từ cửa phòng karaoke đến cổng trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước. Khoảng cách trên chỉ áp dụng trong trường hợp trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước có trước, chủ địa điểm kinh doanh đăng ký kinh doanh hoặc đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sau;

5. Phù hợp với quy hoạch về karaoke được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

Đối với các cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp khi kinh doanh karaoke không phải xin giấy phép kinh doanh theo quy định tại khoản 3, Điều 66 của Luật Du lịch ngày 14/6/2005 nhưng phải đảm bảo các điều kiện kinh doanh karaoke tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Quy định này.

Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ tổ chức hoạt động karaoke tại nơi kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của khách dù không thu riêng tiền dịch vụ karaoke mà chỉ thu tiền ăn, uống hoặc dịch vụ khác tại phòng hát karaoke cũng phải có đủ điều kiện quy định tại Điều 4 này và phải được cấp giấy phép theo quy định tại khoản 1, Điều 31 của Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ.

Điều 5. Thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh karaoke

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép kinh doanh karaoke cho tổ chức, doanh nghiệp.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cấp giấy phép kinh doanh karaoke cho hộ cá thể.

Điều 6. Thủ tục và thời gian cấp Giấy phép kinh doanh karaoke

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh karaoke nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép (Đối với tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; hộ cá thể nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố).

1. Thủ tục gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép kinh doanh karaoke (theo mẫu đính kèm);
- Bản sao công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép có trách nhiệm cấp giấy phép kinh doanh; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

3. Cơ quan cấp phép có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thực tế của cơ sở đề nghị cấp mới Giấy phép kinh doanh karaoke và đối chiếu với quy hoạch về karaoke để cấp giấy phép (đính kèm mẫu Giấy phép kinh doanh karaoke).

4. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính tại thời điểm đề nghị cấp phép.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Cấp Giấy phép kinh doanh karaoke đối với tổ chức, doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 103 của Chính phủ và Thông tư 04 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Sao gửi Giấy phép kinh doanh karaoke ngay sau khi cấp phép cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị có liên quan để phối hợp quản lý, kiểm tra.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy phép kinh doanh karaoke cho các hộ kinh doanh cá thể theo phân cấp và sao gửi Giấy phép kinh doanh karaoke đã cấp về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để phối hợp quản lý, kiểm tra.

Điều 9. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm

1. Thanh tra chuyên ngành Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn và các cơ quan chức năng có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thực hiện, xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với các cơ sở hoạt động dịch vụ karaoke trên địa bàn.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh karaoke có hành vi vi phạm sẽ bị xử phạt theo quy định.

3. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phải tiến hành làm ngay các thủ tục hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy định này để được cấp Giấy phép kinh doanh karaoke.

2. Khi hoạt động kinh doanh karaoke, chủ cơ sở kinh doanh phải tuân thủ các quy định sau:

a) Đảm bảo ánh sáng trong phòng trên 10 Lux tương đương 01 bóng đèn sợi đốt 40W cho 20m².

b) Đảm bảo âm thanh vang ra ngoài phòng karaoke không vượt quá quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép quy định tại khoản 2 Điều 32 Quy chế được đo tại phía ngoài cửa sổ và cửa ra vào phòng karaoke.

c) Chỉ được sử dụng bài hát đã được phép phổ biến; băng, đĩa đã dán nhãn kiểm soát theo quy định.

d) Không được bán rượu hoặc để cho khách uống rượu trong phòng karaoke.

đ) Mỗi phòng karaoke chỉ được sử dụng một nhân viên phục vụ từ 18 tuổi trở lên; nếu nhân viên phục vụ là người làm thuê thì phải có hợp đồng lao động và được quản lý theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động.

g) Không được hoạt động sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng, trừ trường hợp vũ trường, phòng karaoke trong các cơ sở lưu trú du lịch được xếp hạng từ 4 sao trở lên hoặc hạng cao cấp được hoạt động sau 12 giờ đêm nhưng không quá 2 giờ sáng.

e) Các điểm karaoke hoạt động ở vùng dân cư không tập trung không phải thực hiện quy định về âm thanh tại điểm b khoản này nhưng phải thực hiện quy định tại các điểm a, c, d, đ, g khoản 2 này.



3. Nhà hàng karaoke có nhiều phòng thì đánh số thứ tự hoặc đặt tên cho từng phòng.

4. Tổ chức hoạt động kinh doanh karaoke phải đảm bảo về nếp sống văn minh, an ninh, trật tự và phòng chống, cháy nổ.

5. Việc viết, đặt biển hiệu tại nơi kinh doanh của tổ chức, cá nhân nhằm giới thiệu tên gọi, địa chỉ giao dịch không phải xin phép, nhưng phải bảo đảm mỹ quan, đảm bảo an toàn về cháy nổ; Biển hiệu phải viết bằng chữ Việt Nam; trường hợp muốn thể hiện tên viết tắt, tên giao dịch quốc tế, tên, chữ nước ngoài phải ghi phía dưới, kích thước nhỏ hơn chữ Việt Nam.

6. Các tổ chức, doanh nghiệp và hộ cá thể kinh doanh dịch vụ karaoke nếu không tiếp tục kinh doanh nữa thì phải nộp trả lại Giấy phép kinh doanh karaoke cho cơ quan cấp phép. Trong thời hạn 06 tháng các tổ chức, doanh nghiệp, hộ cá thể kinh doanh dịch vụ karaoke nếu không tiếp tục hoạt động kinh doanh (được chính quyền địa phương thẩm tra và xác nhận) thì cơ quan cấp phép sẽ giải quyết cấp Giấy phép cho doanh nghiệp hoặc hộ cá thể khác có nhu cầu trên cơ sở số lượng quy hoạch điểm karaoke của khu phố, ấp đã được phê duyệt.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quy định này.

Điều 12. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Sở, ngành, cá nhân, tổ chức có liên quan kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./#

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Trần Thanh Liêm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



....., ngày tháng năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH KARAOKE**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (viết bằng chữ in hoa):

-
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:,
ngày cấp, nơi cấp

2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép:

- Địa chỉ kinh doanh:
.....
- Tên nhà hàng karaoke (nếu có)
- Số lượng phòng karaoke: phòng.
- Diện tích cụ thể từng phòng :

1.m xm =m²; 14.m xm =m²
2.m xm =m²; 15.m xm =m²
3.m xm =m²; 16.m xm =m²
4.m xm =m²; 17.m xm =m²
5.m xm =m²; 18.m xm =m²
6.m xm =m²; 19.m xm =m²
7.m xm =m²; 20.m xm =m²
8.m xm =m²; 21.m xm =m²
9.m xm =m²; 22.m xm =m²
10.m xm =m²; 23.m xm =m²
11.m xm =m²; 24.m xm =m²
12.m xm =m²; 25.m xm =m²
13.m xm =m²; 26.m xm =m²

3. Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 103/2009/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan khi hoạt động kinh doanh.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin giấy phép kinh doanh./.

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH**
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ, tên, chức vụ người ký)

Hồ sơ đính kèm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
(bản sao công chứng hoặc chứng thực).



NHỮNG ĐIỀU KIỆN PHẢI THỰC HIỆN

1. Phòng Karaoke phải có diện tích từ 20m² trở lên, không kê cầu thang phụ.
2. Cửa karaoke phải là cửa kính không màu, bên ngoài có thể nhìn thấy bên trong.
3. Bảo đảm các điều kiện về an ninh, trật tự và phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường theo quy định.
4. Đảm bảo âm thanh vang ra ngoài phòng karaoke không vượt quá quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép (trừ các điểm hoạt động karaoke ở vùng dân cư không tập trung). Ánh sáng trong phòng karaoke trên 10 lux tương đương 01 bóng đèn sợi đốt 40w cho 20m².
5. Không được đặt khoá, chốt cửa bên trong hoặc đặt thiết bị báo động để đối phó với hoạt động kiểm tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
6. Không được bán rượu hoặc để cho khách uống rượu trong phòng karaoke.
7. Chỉ sử dụng bài hát đã phổ biến; băng, đĩa đã dán nhãn kiểm soát theo quy định.
8. Mỗi phòng karaoke chỉ được sử dụng một nhân viên phục vụ từ 18 tuổi trở lên, nếu nhân viên là người làm thuê thì phải có hợp đồng lao động và được quản lý theo quy định của pháp luật về lao động.
9. Không được hoạt động sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng, trừ khách sạn từ 4 sao trở lên được hoạt động không quá 2 giờ sáng.
10. Nghiêm cấm các hành vi khiêu dâm, môi giới và mua bán dâm, mua, bán hoặc sử dụng ma túy tại phòng karaoke.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, HUYỆN...
(hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp)



SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện được phân cấp)

GIẤY PHÉP KINH DOANH KARAOKE

Năm 20...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do – Hạnh phúc



**GIẤY PHÉP
KINH DOANH KARAOKE**

**GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

(hoặc thủ trưởng cơ quan cấp phép huyện được phân cấp)

CẤP GIẤY PHÉP CHO

- Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (viết chữ in hoa):
- Năm sinh:/...../..... (đối với cá nhân)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:, ngày do cấp.
- Địa chỉ kinh doanh:
-
- Tên, biển hiệu kinh doanh:
- Số lượng: phòng.
- (Những nội dung cần thiết khác:)
- Số giấy phép:

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

(hoặc thủ trưởng cơ quan cấp huyện được phân cấp)

(ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số TT	Vị trí, kích thước phòng	Diện tích (m ²)